TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 352/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 13/12/2017
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có* :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân Bà Trần Thị Trúc mai
Ông Trần Thành Chúng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2017/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 568 /2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Phụng V**, sinh năm: **1996**;

Địa chỉ: Số 447, tổ 15, ấp BC, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trần Phú L**, sinh năm: **1987**;

Địa chỉ: Số 3208, tổ 33, ấp V, xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà V và ông L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà V trình bày:

Bà và ông L kết hôn năm 2015, hôn nhân do người lớn mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã VT, huyện An Phú. Trong thời gian chung sống do cả hai người không phù hợp nhau về cách sống, bản tính ông L nóng nảy, chi ly về tiền bạc nên từ đó phát sinh mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân được gần 02 năm nay. Trong thời gian không còn chung sống thì cả hai không có liên lạc, mặc dù ông L có xuống nhà gặp bà năn nỉ về sống lại nhưng do bà thấy không thể sống chung lại được nên không chịu hàn gắn. Nay xin ly hôn.

Con chung: không có.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Ông Trần Phú L có bản tường trình đề ngày 16 tháng 11 năm 2017 trình bày ý kiến: Ông và bà V kết hôn vào hồi tháng 3 năm 2015 AL, hôn nhân do cha mẹ hai bên định đoạt và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT vào ngày 20/5/2015. Sau đám cưới cả hai sống bên nhà ông L một thời gian thì đi thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân xí nghiệp may. Do thời gian chung sống giữa hai người bất đồng quan điểm, cách sống nên thường xảy ra cự cãi và cả hai không còn sống chung từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay. Nay bà V xin ly hôn, ông đồng ý.

Con chung: không có.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên ông, bà chung sống lại nhưng do ông L không đến tham gia hòa giải, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bà V và ông L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bảo lưu ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị Phụng V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Phú L. Ông L hiện có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Do bà V và ông L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà V, ông L có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, bà V, ông L khai nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do các bên không cùng chung quan điểm, cách sống và cả hai người hiện đã không còn chung sống từ năm 2016 cho đến nay, không còn liên lạc với nhau. Bà V và ông L đều có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông, bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, muân thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi dưỡng con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Do các đương sự thống nhất không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trường hợp ông L có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà V chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Phụng V và ông Trần Phú L được ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do bà V, ông L không yêu cầu.

- Về án phí*:* Bà V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010883 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà V đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh AG;

- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- Các đương sự;.
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo